

## TRẠNG THÁI TÍCH LŨY TIẾP DIỄN

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

## ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

## MUA

Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế.

## BÁN

Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp phục hồi với vùng cản quan trọng 1.240-1.254 điểm.

## THEO DÕI

MBB

↑ 9,87%

VND24.500

## NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** TTCK Mỹ nghỉ giao dịch vào ngày Thứ Sáu, 18/04/2025.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sau nhịp hồi phục mạnh dạng chữ V, thị trường đang chuyển sang trạng thái điều chỉnh tích lũy trong những phiên giao dịch tuần qua. Diễn biến ở các nhóm cổ phiếu đã bắt đầu có sự phân hóa mạnh hơn theo KQKD quý 1. Về kỹ thuật, VN-Index vẫn dao động trên vùng 1.200 điểm, chỉ báo MACD và RSI có dấu hiệu hình thành đáy nên kỳ vọng động lực chung sẽ sớm được củng cố giúp chỉ số giữ được xu hướng phục hồi. Do đó, NĐT có thể canh giải ngân khi chỉ số VN-Index có nhịp chỉnh về vùng hỗ trợ 1.200 điểm ưu tiên mở vị thế đối với các cổ phiếu ít bị ảnh hưởng bởi các thông tin về thuế.

## Thị trường thế giới

| Chỉ số    | Điểm số   | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Dow Jones | 39.142,23 | -1,33 | -8,00  |
| S&P 500   | 5.282,70  | 0,13  | -10,18 |
| Nasdaq    | 16.286,45 | -0,13 | -15,66 |
| VIX       | 29,65     | -9,16 | 70,89  |
| DAX       | 21.205,86 | -0,49 | 6,51   |
| FTSE 100  | 8.275,66  | 0,00  | 1,26   |
| CAC40     | 7.285,86  | -0,60 | -1,29  |
| Hang Seng | 21.395,14 | 1,61  | 6,66   |

Nguồn: Bloomberg

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



## Chỉ báo kỹ thuật

|                   | Ngày    | Tuần | Tháng |
|-------------------|---------|------|-------|
| Xu hướng VN-Index | NEUTRAL | SELL | SELL  |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị  | Hành động |
|------------------|----------|-----------|
| RSI (14)         | 43,82    | SELL      |
| MACD (12,26)     | -25,93   | SELL      |
| ADX (14)         | 32,54    | SELL      |
| SMA5             | 1.223,18 | SELL      |
| SMA20            | 1.253,39 | SELL      |
| SMA50            | 1.283,53 | SELL      |
| SMA100           | 1.269,15 | SELL      |
| SMA200           | 1.265,06 | SELL      |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Dòng vốn vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý 1/2025 thông qua các quỹ quay trở lại trạng thái âm với giá trị rút ròng gần 4,7 nghìn tỷ đồng** sau khi vào ròng nhẹ gần 200 tỷ đồng trong quý 4/2024. Xét theo tháng, tháng 3 đánh dấu tháng rút ròng thứ 5 liên tiếp và là tháng có giá trị rút vốn mạnh nhất, theo thống kê từ FiinTrade.
- **Tính đến cuối quý 1/2025, dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán ước tính vào khoảng 280.000 tỷ đồng (~11 tỷ USD), tăng 35.000 tỷ so với cuối năm 2024 trước đó và là mức cao kỷ lục từ trước đến nay.** Trong đó, dư nợ margin ước tính khoảng 273.000 tỷ đồng, tăng 33.000 tỷ so với cuối năm 2024 và cũng là con số cao nhất trong lịch sử chứng khoán Việt Nam.
- **DIG:** Năm 2025, DIG đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh với tổng doanh thu hợp nhất cao kỷ lục 3,500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 718 tỷ đồng, lần lượt gấp 2.4 và 4.5 lần so với thực hiện 2024. Công ty dự kiến tỷ lệ cổ tức từ 7-10%.
- **TCM:** Sáng ngày 18/04, CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và thông qua kế hoạch doanh thu thuần đạt 4.525,4 tỷ đồng (187 triệu USD), lợi nhuận sau thuế đạt 278,7 tỷ đồng (11,5 triệu USD), tăng 18,7% về doanh thu nhưng đi ngang về lợi nhuận so với thực hiện năm 2024.
- **CTG:** VietinBank ước tính lợi nhuận trước thuế riêng lẻ đến 15/4 đạt 9.417 tỷ đồng, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2024. Dự kiến sẽ tiếp tục chia cổ tức bằng cổ phiếu trong 3 năm tiếp theo.
- **POW:** Theo bản tin nhà đầu tư của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, sản lượng điện trong quý I/2025 đạt gần 4,26 tỷ kWh, tăng 20% so với cùng kỳ và đạt 22% kế hoạch cả năm. Doanh thu theo đó đạt 8.104 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 385 tỷ đồng, tăng 38%. Kết quả này giúp công ty thực hiện được lần lượt 21% và 78% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2025.
- **SSI:** Năm 2025, công ty đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 9.695 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 4.252 tỷ đồng, tăng lần lượt 11% và 20% so với kết quả thực hiện năm ngoái. Tính riêng quý đầu năm, SSI ước tính doanh thu hợp nhất đạt 2.186 tỷ đồng và lợi nhuận trước 1.035 tỷ đồng, thực hiện lần lượt 22,5% và 24,3% kế hoạch trình đề ra.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 3.373,19  | 1,39  | 28,53  |
| Dầu WTI   | 63,49     | -1,84 | -11,48 |
| Dầu Brent | 66,78     | -1,74 | -10,53 |
| Than      | 95,05     | 0,85  | -24,11 |
| Đồng      | 9.188,50  | -0,16 | 4,80   |
| Quặng sắt | 99,01     | -0,12 | -5,55  |
| Thép      | 463,50    | 0,00  | -2,58  |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá    | %Chg  | YTD   |
|---------|--------|-------|-------|
| DXY     | 98,614 | -0,62 | -9,10 |
| USD/JPY | 141,05 | 0,80  | 11,45 |
| USD/CNY | 7,2997 | -0,01 | -0,01 |
| EUR/USD | 1,1475 | 0,72  | 10,83 |
| GBP/USD | 1,335  | 0,41  | 6,66  |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED  | 4,50%    | 07/05/2025         | 0,00              |
| ECB  | 2,65%    | 27/04/2025         | -0,25             |
| BOE  | 4,50%    | 08/05/2025         | 0,00              |
| BOJ  | 0,50%    | 01/05/2025         | 0,00              |
| SBV  | 6,50%    | -                  | -50bp             |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD   | Giá     | %Chg  |
|-------|--------|---------|-------|
| FPT   | 842,68 | 111.600 | 2,01  |
| HPG   | 531,43 | 25.450  | -0,20 |
| STB   | 560,65 | 38.550  | 0,65  |
| MBB   | 733,59 | 23.250  | 1,09  |
| SSI   | 620,80 | 23.350  | 1,08  |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa    | Giá     | %Chg |
|-------|------------|---------|------|
| VCB   | 485.464,72 | 58.100  | 0,00 |
| BID   | 252.417,96 | 35.950  | 0,28 |
| CTG   | 201.106,19 | 37.450  | 0,54 |
| FPT   | 164.171,32 | 111.600 | 2,01 |
| TCB   | 183.686,15 | 26.000  | 0,00 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

MBB

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

23.250

24.500

9,87%

21.800-22.300

<21.200

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- MB dự kiến trình đại hội khkd năm 2025 với LNTT tăng xấp xỉ 10% so với năm 2024. Năm 2024, ngân hàng báo lãi hợp nhất trước thuế là 28.829 tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2023 và vượt 3,4% so với kế hoạch. Như vậy, lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB hướng tới trong năm 2025 ở mức 31.712 tỷ đồng.
- Trong năm 2025, MB dự kiến kiểm soát tỉ lệ nợ xấu dưới 1,7%, tỉ lệ an toàn vốn CAR tuân thủ Base II ở mức tối thiểu là 9%. Về phương án tăng vốn điều lệ, năm 2025, MB dự kiến tăng vốn điều lệ thêm tối đa gần 20.346 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Sau nhịp phục hồi mạnh từ đáy, cổ phiếu MBB đang gặp áp lực bán khi tiệm cận kháng cự 23.000-23.500 đồng (MA20 ngày). Nhà đầu tư có thể canh giải ngân tỷ trọng nhỏ nếu cổ phiếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ quan trọng với vùng mua 21.800-22.300 đồng.

Thông tin tài chính

|             | FY2023 | FY2024 | Q42024 |
|-------------|--------|--------|--------|
| DTT (tỷ đ)  | 47.306 | 55.413 | 16.564 |
| LNTT (tỷ đ) | 26.306 | 28.829 | 8.093  |
| LNST (tỷ đ) | 21.054 | 22.951 | 6.382  |
| Nợ/VCSH (%) | 130    | 135    | 0      |
| ROE (%)     | 24,52  | 22,09  | 22,09  |
| ROA (%)     | 2,47   | 2,18   | 2,18   |
| EPS (VNĐ)   | 3.449  | 3.726  | 3.729  |
| P/E (lần)   | 4,7    | 5,9    | 6,23   |
| P/B (lần)   | 1,05   | 1,19   | 1,27   |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

|                  | Ngày    | Tuần      | Tháng |
|------------------|---------|-----------|-------|
| Xu hướng         | BUY     | NEUTRAL   | BUY   |
| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |       |
| RSI (14)         | 50,51   | BUY       |       |
| MACD (12,26)     | -0,19   | SELL      |       |
| ADX (14)         | 27,50   | BUY       |       |
| SMA5             | 23.120  | BUY       |       |
| SMA20            | 23.280  | SELL      |       |
| SMA50            | 23.400  | SELL      |       |
| SMA100           | 22.390  | BUY       |       |
| SMA200           | 21.780  | BUY       |       |

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                             | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán  | Giá bán | +/-    |
|---------------------------------|-------------|----------|-----------|----------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi               |             |          |           |          |         |              |            |           |         |        |
| 1                               | SSI         | Theo dõi | 21,5-22,5 |          |         | 25,3         | 21,3       |           |         |        |
| 2                               | MBB         | Theo dõi | 21,8-22,3 |          |         | 24,5         | 20,7       |           |         |        |
| 3                               | HPG         | Theo dõi | 23-24     |          |         | 26,5         | 22,8       |           |         |        |
| 4                               | VCG         | Theo dõi | 21-21,8   |          |         | 24,5         | 20,7       |           |         |        |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua |             |          |           |          |         |              |            |           |         |        |
| 1                               | STB         | Chốt lời | 33,7-34,7 | 4/4/2025 | 34,1    | 38,4         | 33         | 15/4/2025 | 38,6    | 13,20% |

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế      | Vùng mua   | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | MWG         | Chốt lời    | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 54,8         | 37,8       | 31/7/2023  | 54      | 32,35% |
| 2   | NLG         | Chốt lời    | 31,3-32,45 | 9/6/2023   | 32      | 38,3         | 30,2       | 18/7/2023  | 38,3    | 19,69% |
| 3   | MWG         | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 47,8         | 37,8       | 11/7/2023  | 48,8    | 19,61% |
| 4   | DGW         | Chốt lời    | 54,5-56    | 16/2/2024  | 56      | 63,2         | 53,9       | 13/3/2024  | 64,3    | 16,07% |
| 5   | HCM         | Chốt lời    | 21,1-22    | 20/12/2023 | 21,9    | 24,3         | 20,4       | 2/1/2024   | 25,4    | 15,98% |
| 6   | SSI         | Chốt lời    | 27,8-28,8  | 26/10/2023 | 27,2    | 32,8         | 26,9       | 10/11/2023 | 31,5    | 15,81% |
| 7   | DBC         | Chốt lời    | 20,3-20,6  | 20/6/2023  | 20,6    | 23,6         | 19,2       | 6/7/2023   | 23,85   | 15,78% |
| 8   | DGW         | Chốt lời    | 32,4-33    | 16/5/2023  | 33      | 37,2         | 30,7       | 6/6/2023   | 37,8    | 14,55% |
| 9   | VPB         | Chốt lời    | 18,6-19,2  | 26/4/2023  | 19,2    | 22,6         | 17,9       | 1/8/2023   | 21,95   | 14,32% |
| 10  | ANV         | Chốt lời    | 34,8-36,3  | 11/9/2023  | 36,3    | 41,2         | 33,8       | 22/9/2023  | 41,2    | 13,50% |
| 11  | DGW         | Chốt lời    | 49-51,5    | 21/11/2023 | 50      | 57,8         | 48         | 8/1/2023   | 56,7    | 13,40% |
| 12  | HCM         | Chốt lời    | 25,9-26,3  | 12/6/2023  | 26,3    | 29,5         | 24,5       | 5/7/2023   | 29,8    | 13,31% |
| 13  | SSI         | Chốt lời    | 28,0-28,6  | 1/8/2023   | 28,6    | 33,5         | 27,4       | 25/8/2023  | 32,3    | 12,94% |
| 14  | PVS         | Chốt lời    | 30,4-31,2  | 22/8/2023  | 31,2    | 35,2         | 29,3       | 30/8/2023  | 35,2    | 12,82% |
| 15  | HPG         | Chốt lời    | 24,8-25,8  | 22/8/2023  | 25,8    | 29,1         | 24         | 7/9/2023   | 29,1    | 12,79% |
| 16  | NKG         | Chốt lời    | 17,3-17,7  | 5/7/2023   | 17,5    | 20,4         | 16,3       | 21/7/2023  | 19,7    | 12,57% |
| 17  | KSB         | Chốt lời    | 26,6-27,1  | 8/6/2023   | 27,1    | 30,5         | 25,2       | 27/6/2023  | 30,5    | 12,55% |
| 18  | NKG         | Chốt lời    | 20,3-20,8  | 24/11/2023 | 20,8    | 23,9         | 19,6       | 30/11/2023 | 23,35   | 12,26% |
| 19  | HAH         | Chốt lời    | 34-35,5    | 23/11/2023 | 35      | 40,7         | 32,9       | 26/12/2023 | 39,2    | 12,00% |
| 20  | GVR         | Chốt lời    | 18,9-19,3  | 28/6/2023  | 19,3    | 22,3         | 18         | 11/7/2023  | 21,6    | 11,92% |
| 21  | VCG         | Chốt lời    | 25,5-26,2  | 18/8/2023  | 26,2    | 29,3         | 24,5       | 5/9/2023   | 29,3    | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán  | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1   | SZC         | Cắt lỗ   | 41-42     | 19/12/2024 | 42      | 45,8         | 40         | 10/1/2025 | 41      | -2,38% |
| 2   | HHV         | Chốt lời | 10,8-11,4 | 10/1/2024  | 11,4    | 12,8         | 10,5       | 17/1/2025 | 12,8    | 12,28% |
| 3   | VCG         | Chốt lời | 17,7-18,1 | 14/01/2025 | 18,1    | 19,8         | 17,2       | 3/2/2025  | 20      | 10,50% |
| 4   | HPG         | Cắt lỗ   | 26-26,8   | 5/2/2025   | 26,8    | 28,9         | 25,5       | 10/2/2025 | 25,50   | -4,8%  |
| 5   | VCI         | Chốt lời | 33,6-34,6 | 4/2/2025   | 34,35   | 37,45        | 32         | 3/3/2025  | 37,45   | 9,02%  |
| 6   | SSI         | Chốt lời | 24,5-25   | 24/2/2025  | 25,3    | 27,4         | 23,8       | 13/3/2025 | 27,4    | 8,30%  |
| 7   | POW         | Cơ cấu   | 11,4-11,8 | 12/2/2025  | 11,8    | 13,2         | 11,2       | 14/3/2025 | 12      | 1,69%  |
| 8   | VHC         | Cơ cấu   | 67,5-69,5 | 18/2/2025  | 69,5    | 76           | 65,6       | 14/3/2025 | 67,9    | -2,3%  |
| 9   | PC1         | Cơ cấu   | 23,5-23,9 | 26/2/2025  | 23,9    | 26,3         | 22,7       | 14/3/2025 | 23,1    | -3,35% |
| 10  | KSB         | Cơ cấu   | 19,6-20   | 6/3/2025   | 19,9    | 22,1         | 19         | 14/3/2025 | 19,85   | -0,21% |
| 11  | DXG         | Cơ cấu   | 15,7-16,2 | 11/3/2025  | 16,2    | 17,8         | 15,2       | 14/3/2025 | 16,1    | -0,61% |
| 12  | BID         | Cắt lỗ   | 38,6-39,3 | 6/2/2025   | 39,6    | 45           | 37,3       | 3/4/2025  | 37,3    | -5,81% |
| 13  | KBC         | Cắt lỗ   | 28,5-29,5 | 18/2/2025  | 29,2    | 33           | 27,6       | 3/4/2025  | 27,6    | -5,4%  |
| 14  | VPB         | Cắt lỗ   | 18,7-19   | 21/02/2025 | 19      | 21,2         | 18         | 3/4/2025  | 18      | -5,26% |
| 15  | STB         | Chốt lời | 33,7-34,7 | 4/4/2025   | 34,1    | 38,4         | 33         | 16/4/2025 | 38,6    | 13,20% |

Email: [Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.